

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 236/2026/HC-PT

Ngày: 21/4/2026

V/v " Khiếu kiện quyết
định hành chính, hành vi
hành chính trong lĩnh
vực quản lý đất đai".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Hạnh;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Mạnh Tiến;
Bà Trần Thị Quỳnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Huyền - Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Giang - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 21 tháng 04 năm 2026, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 93/2026/TLPT-HC ngày 19 tháng 01 năm 2026 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai" do có kháng cáo của người khởi kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 62/2025/HC-ST ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3891/2026/QĐ-PT ngày 10 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Hoàng Văn M, sinh năm 1964; địa chỉ: Số nhà C ngách C, tổ dân phố T, phường Đ, tỉnh Bắc Ninh, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Nguyễn Văn Đ - Công ty L1 thuộc Đoàn luật sư thành phố H; địa chỉ: P, Tòa A

số D đường L, phường N, thành phố Hà Nội, có mặt.

Người bị kiện:

1. Chủ tịch UBND thành phố B, tỉnh Bắc Giang;
2. UBND thành phố B, tỉnh Bắc Giang

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người bị kiện: Chủ tịch UBND phường Đ, tỉnh Bắc Ninh và UBND phường Đ, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Tiến T - Phó Chủ tịch (Quyết định uỷ quyền số 171/QĐ-UBND ngày 03/02/2026), vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Ngô Duy T1 - Phó Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đ, tỉnh Bắc Ninh, vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Hoàng Văn L, sinh năm 1991; địa chỉ: Số nhà C ngách C, tổ dân phố T, phường Đ, tỉnh Bắc Ninh, có mặt.
2. Cụ Nguyễn Thị D, sinh năm 1940; bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1977; anh Hoàng Thanh T3, sinh năm 2001; cháu Hoàng Đình D1, sinh năm 2008; cùng địa chỉ: Số nhà C ngách C, tổ dân phố T, phường Đ, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt cụ D; bà T2, anh T3 và anh D1 vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/12/2024 và quá trình tố tụng, người khởi kiện là ông Hoàng Văn M trình bày:

Ngày 06/7/2000, mẹ ông là cụ Nguyễn Thị D được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 28, tờ bản đồ số 15 (Bản đồ GPMB), diện tích 697m² (gồm 300m² đất ở và 397m² đất vườn) tại xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Do nhà chật và có đông người nên mẹ ông đã tặng cho ông một phần diện tích thuộc thửa đất số 28 nêu trên để vợ chồng ông và các con ra ở riêng, nhưng thửa đất này nằm trong quy hoạch nên chưa làm thủ tục tặng cho theo quy định của pháp luật. Gia đình ông đã tách hộ khẩu riêng, xây căn nhà hai tầng, sân, tường trên diện tích khoảng 100m² giáp nhà của mẹ ông sử dụng ổn định hơn 10 năm không tranh chấp.

Ngày 12/3/2024, UBND thành phố B, tỉnh Bắc Giang (nay là UBND phường Đ, tỉnh Bắc Ninh) ban hành Quyết định số 137/QĐ-UBND về việc thu hồi đất (đợt 8) của các hộ gia đình, cá nhân thuộc xã T để thực hiện dự án: Khu S, 4 phía Bắc thuộc Khu đô thị P, thành phố B trong đó thu hồi diện tích 444,8m² đất thuộc thửa đất số 28, tờ bản đồ số 15 (gồm 53,1m² đất ở và 384,2m² đất trồng cây lâu năm và 7,5m² đất trồng cây lâu năm không có giấy tờ sử dụng ổn định trước ngày 01/7/2004). Theo đó xác định chủ sử dụng đất bị thu hồi là cụ Nguyễn Thị D (mẹ ông) và nhà, công trình của gia đình ông xây dựng đều nằm trong phạm vi thu

hỏi.

Tại Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 12/03/2024 của UBND thành phố B (nay là UBND phường Đ, tỉnh Bắc Ninh) về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB (đợt 8) khi Nhà nước thu hồi đất chỉ bồi thường cho hộ gia đình ông tổng số tiền 643.821.612 đồng tài sản trên đất và hỗ trợ di chuyển chỗ ở trong địa giới hành chính xã, không bồi thường hỗ trợ về đất.

Ngày 18/7/2024, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 2640/QĐ-UBND cưỡng chế giải tỏa tài sản trên đất của gia đình ông để thực hiện dự án. Ông có đơn tố cáo gửi UBND xã T, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B và C công nghiệp thành phố B về việc xác định sai loại đất, áp giá bồi thường về đất và tài sản trên đất thu hồi không đúng.

Ngày 14/10/2024, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Kết luận nội dung tố cáo đã kết luận nội dung tố cáo có đúng, có sai (phần tố cáo đúng liên quan đến bồi thường tường gạch, sân của gia đình ông hình thành trước ngày 01/7/2014).

Tại Quyết định số 1483/QĐ-UBND ngày 08/11/2024 của UBND thành phố B (nay là UBND phường Đ, tỉnh Bắc Ninh) về việc phê duyệt phương án điều chỉnh kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB khi Nhà nước thu hồi đất đã căn cứ Kết luận tố cáo của Chủ tịch UBND thành phố B điều chỉnh mức bồi thường, hỗ trợ của gia đình ông tăng 16.879.200 đồng với tổng số tiền là 660.700.812 đồng.

Gia đình ông bị thu hồi toàn bộ nhà ở, công trình xây dựng gắn liền đất, thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở, không có chỗ ở nào khác trong địa bàn phường, xã nơi có đất thu hồi, căn cứ khoản 2 Điều 79 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 4 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, gia đình ông thuộc trường hợp được giao đất ở có thu tiền sử dụng đất.

Việc thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng, cưỡng chế thu hồi đất và việc giải quyết tố cáo của UBND thành phố B và Chủ tịch UBND thành phố B là chưa thỏa đáng, xâm phạm quyền lợi của gia đình ông.

Do đó, ông khởi kiện yêu cầu:

- Hủy một phần Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 12/03/2024 của UBND thành phố B (nay là UBND phường Đ, tỉnh Bắc Ninh) về việc thu hồi đất (đợt 8) của các hộ gia đình, cá nhân thuộc xã T để thực hiện dự án: Khu S, 4 phía Bắc thuộc Khu đô thị P, thành phố B liên quan đến hộ gia đình ông Hoàng Văn M (sau đây viết tắt là Quyết định số 137).

- Hủy một phần Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 12/03/2024 của UBND thành phố B (nay là UBND phường Đ, tỉnh Bắc Ninh) về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB (đợt 8) khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án: Khu S, 4 phía Bắc thuộc Khu đô thị P, thành phố B liên quan đến hộ gia đình ông Hoàng Văn M (sau đây viết tắt là Quyết định số 138).

- Hủy Quyết định số 2640/QĐ-UBND ngày 18/7/2024 của Chủ tịch UBND thành phố B (nay là Chủ tịch UBND phường Đ, tỉnh Bắc Ninh) về việc cưỡng chế thu hồi đất và giải tỏa tài sản trên đất đối với hộ gia đình ông Hoàng Văn M, trú tại thôn T, xã T để thực hiện dự án: Khu S, 4 phía Bắc thuộc Khu đô thị P, thành phố B (sau đây viết tắt là Quyết định số 2640).

- Hủy một phần Kết luận nội dung tố cáo số 11/KL-UBND ngày 14/10/2024 của Chủ tịch UBND thành phố B (nay là Chủ tịch UBND phường Đ, tỉnh Bắc Ninh) liên quan đến hộ gia đình ông Hoàng Văn M (sau đây viết tắt là Kết luận số 11).

- Hủy một phần Quyết định số 1483/QĐ-UBND ngày 08/11/2024 của UBND thành phố B (nay là UBND phường Đ, tỉnh Bắc Ninh) về việc phê duyệt phương án điều chỉnh kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án: Khu S, 4 phía Bắc thuộc Khu đô thị P, thành phố B liên quan đến hộ gia đình ông Hoàng Văn M (sau đây viết tắt là Quyết định số 1483).

- Buộc UBND thành phố B thực hiện nhiệm vụ, công vụ phê duyệt, bồi thường và hỗ trợ tái định cư cho gia đình ông theo đúng quy định pháp luật, cụ thể: Bổ sung chính sách bồi thường, hỗ trợ GPMB là giao cho gia đình ông đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá.

Người bị kiện là Chủ tịch và UBND phường Đ do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Về nguồn gốc sử dụng đất: Hộ cụ Nguyễn Thị D có thửa đất ở tại thôn T, xã T, huyện Y đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2000 (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) với tổng diện tích 697m² (trong đó: 300m² đất ở, 397m² đất vườn).

Theo Bản đồ bồi thường GPMB số 15 để thực hiện dự án Khu S, 4 phía Bắc thuộc Khu đô thị P thành phố B, cụ Nguyễn Thị D (là mẹ đẻ ông Hoàng Văn M) sử dụng tại thửa đất số 28, diện tích bản đồ: 704,5m², địa chỉ thửa đất thôn T, xã T, diện tích bị thu hồi vào dự án là 444,8m² trong đó có 53,1m² là đất ở nông thôn, 384,2m² là đất vườn (đất nông nghiệp trồng cây lâu năm) đã được Nhà nước cấp GCNQSDĐ.

Ông Hoàng Văn M đã xây dựng một ngôi nhà 02 tầng trên diện tích đất ở của hộ cụ D (trong đó có 53,1m² đất ở nằm trong chỉ giới thu hồi) và các công trình sân gạch, tường xây gạch...gia đình xây dựng trên phần diện tích đất vườn (đất nông nghiệp trồng cây lâu năm) đã được Nhà nước cấp GCNQSDĐ tên người sử dụng đất là hộ cụ Nguyễn Thị D.

Ngày 14/12/2021, UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 1433/QĐ- UBND về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Khu dân cư S, 4 phía Bắc thuộc Khu đô thị P, thành phố B. Ngày 10/6/2022, Chủ tịch UBND tỉnh B có Quyết định số 1152/QĐ-UBND về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện Dự án:

Khu S, 4 phía Bắc thuộc Khu đô thị P, thành phố B.

Ngày 15/8/2022, UBND thành phố B ban hành Thông báo số 203/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khu S, 4 phía Bắc thuộc Khu đô thị P, thành phố B.

Do ông Hoàng Văn M không hợp tác với cơ quan Nhà nước trong việc kê khai, kiểm kê về đất và tài sản trên đất để làm cơ sở lập phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án. Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 3079/QĐ-UBND ngày 28/7/2023 về việc kiểm đếm bắt buộc và Quyết định số 3375/QĐ-UBND ngày 16/8/2023 về việc cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc đối với ông Hoàng Văn M để thực hiện dự án.

Ngày 12/3/2024, UBND thành phố ban hành Quyết định số 137 về việc thu hồi đất (đợt 8) và Quyết định số 138 về việc phê duyệt phương án bồi thường (đợt 8) khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu S, 4 phía Bắc thuộc Khu đô thị P, thành phố B. Trong đó, ông Hoàng Văn M không được bồi thường về đất, được bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất với kinh phí là 643.821.612 đồng.

Trong quá trình thực hiện dự án, công dân đã có đơn tố cáo UBND xã T và Trung tâm Phát triển quỹ đất và Cụm C trong việc bồi thường giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án.

Ngày 14/10/2024, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Kết luận số 11/KL-UBND về việc kết luận nội dung tố cáo đối với UBND xã T, Trung tâm Phát triển quỹ đất và C công nghiệp thành phố, trong đó có nội dung: Giao Trung tâm Phát triển quỹ đất và C công nghiệp thành phố chủ trì, phối hợp với UBND xã T hoàn thiện hồ sơ trình điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB về tài sản đối với phần công trình của cụ Nguyễn Thị D và ông Hoàng Văn M theo quy định.

Ngày 08/11/2024, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 1483 về việc phê duyệt phương án điều chỉnh kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB khi Nhà nước thu hồi để thực hiện dự án, trong đó điều chỉnh giảm kinh phí bồi thường của cụ Nguyễn Thị D với số tiền 2.456.000 đồng và điều chỉnh tăng kinh phí bồi thường cho ông Hoàng Văn M với số tiền 16.879.200 đồng.

Do ông Hoàng Văn M không phối hợp trong việc nhận tiền bồi thường, hỗ trợ GPMB và bàn giao mặt bằng cho Nhà nước để thực hiện dự án, mặc dù đã được vận động, thuyết phục nhiều lần, tiền bồi thường hỗ trợ GPMB đã được gửi vào Kho bạc Nhà nước và đã gửi thông báo đến ông Hoàng Văn M. Vì vậy, Chủ tịch UBND thành phố B đã ban hành Quyết định số 2640 ngày 18/7/2024 về việc cưỡng chế giải tỏa tài sản trên đất đối với ông Hoàng Văn M là đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

Dự án Khu số 3, 4 phía Bắc thuộc Khu đô thị P, thành phố B phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất hàng năm; có trong danh mục các

dự án cần được thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang mục đích khác được HĐND tỉnh phê duyệt, thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013.

Việc UBND thành phố B thu hồi đất để thực hiện dự án nêu trên là đúng căn cứ quy định tại Điều 63, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 66, đúng trình tự thủ tục quy định tại Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

Sau khi UBND thành phố B ban hành quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ GPMB, ông Hoàng Văn M không đồng thuận nhận tiền và bàn giao mặt bằng, Chủ tịch UBND thành phố đã ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất và giải tỏa tài sản trên đất đối với ông Hoàng Văn M để thực hiện dự án là đúng quy định tại Điều 71 Luật Đất đai năm 2013.

Về yêu cầu đề nghị giao đất ở không thông qua đấu giá: Ngày 12/3/2024, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 137 và Quyết định số 138, trong đó thu hồi 444,8m² đất của hộ bà D (53,1m² đất ở; 384,2m² đất trồng cây lâu năm trong cùng thửa đất có nhà ở; 7,5m² đất trồng cây lâu năm). Diện tích đất ở còn lại của hộ bà D là 259,7m² (246,9m² đất ở; 12,8m² đất trồng cây lâu năm); tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất là 3.423.864.992 đồng. Không được giao đất ở tái định cư vì không thu hồi hết diện tích đất ở của gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, việc ông Hoàng Văn M (là con trai bà D) đề nghị UBND thành phố B xem xét giao đất ở không qua hình thức đấu giá khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án là không có cơ sở giải quyết. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cụ Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị T2, anh Hoàng Thanh T3, cháu Hoàng Đình D1 trình bày: Thống nhất với ý kiến trình bày của người khởi kiện, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 62/2025/HC-ST ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã quyết định: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn M về việc đề nghị:

- Hủy một phần Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 12/3/2024 của UBND thành phố B (nay là UBND phường Đ, tỉnh Bắc Ninh), về việc thu hồi đất (đợt 8) của các hộ gia đình, cá nhân thuộc xã T để thực hiện dự án: Khu S, 4 phía Bắc thuộc Khu đô thị P, thành phố B liên quan đến hộ gia đình ông Hoàng Văn M.

- Hủy một phần Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 12/3/2024 của UBND thành phố B (nay là UBND phường Đ, tỉnh Bắc Ninh), về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB (đợt 8) khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự

án: Khu S, 4 phía Bắc thuộc Khu đô thị P, thành phố B liên quan đến hộ gia đình ông Hoàng Văn M.

- Hủy một phần Quyết định số 1483/QĐ-UBND ngày 08/11/2024 của UBND thành phố B (nay là UBND phường Đ, tỉnh Bắc Ninh) về việc phê duyệt phương án điều chỉnh kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án: Khu S, 4 phía Bắc thuộc Khu đô thị P, thành phố B liên quan đến hộ gia đình ông Hoàng Văn M.

- Hủy Quyết định số 2640/QĐ-UBND ngày 18/7/2024 của Chủ tịch UBND thành phố B (nay là Chủ tịch UBND phường Đ, tỉnh Bắc Ninh), về việc cưỡng chế thu hồi đất và giải tỏa tài sản trên đất đối với hộ gia đình ông Hoàng Văn M, trú tại thôn T, xã T để thực hiện dự án: Khu S, 4 phía Bắc thuộc Khu đô thị P, thành phố B.

- Buộc UBND thành phố B thực hiện nhiệm vụ, công vụ phê duyệt, bồi thường và hỗ trợ tái định cư cho gia đình ông Hoàng Văn M theo đúng quy định pháp luật, cụ thể: Bổ sung chính sách bồi thường, hỗ trợ GPMB là giao cho gia đình ông Hoàng Văn M đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu hủy Kết luận nội dung tố cáo số 11/KL-UBND ngày 14/10/2024 của Chủ tịch UBND phường Đ, tỉnh Bắc Ninh liên quan đến hộ ông Hoàng Văn M.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/11/2025, người khởi kiện là ông Hoàng Văn M và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T2, anh Hoàng Thanh T3, Hoàng Văn L và Hoàng Đình D1 có đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo là bà Nguyễn Thị T2, anh Hoàng Thanh T3 và anh Hoàng Đình D1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm; đồng thời đồng ý với các ý kiến do ông Hoàng Văn M và Luật sư Nguyễn Văn Đ trình bày tại phiên tòa.

Người khởi kiện là ông Hoàng Văn M, anh Hoàng Văn L thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Ông M, anh L và người bảo vệ quyền lợi của người khởi kiện trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ không khách quan, áp dụng pháp luật không đúng do ông M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều thừa nhận nguồn gốc đất thu hồi thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cụ D, nhưng do hộ gia đình ông M sinh sống trên đất của cụ D, không còn chỗ ở khác và không đủ điều kiện để bồi thường về đất ở nên đề nghị áp dụng chính sách của Nhà nước

quy định tại khoản 2 Điều 79 Luật Đất đai để giao đất có thu tiền sử dụng đất cho hộ gia đình ông M. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Văn M và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T2, anh Hoàng Thanh T3, Hoàng Văn L và Hoàng Đình D1, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Hà Nội sau khi phân tích nội dung vụ án, ý kiến trình bày của người khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã kết luận: Các đương sự đều thừa nhận cụ D cho ông M quyền sử dụng đất, nhưng việc tặng cho không làm văn bản và thừa nhận do đất đã quy hoạch nên không thể làm thủ tục sang tên được. Đối với yêu cầu đề nghị giao đất ở không thông qua đấu giá của gia đình ông M thấy cụ D bị thu hồi 444,8m² đất tại thửa đất số 28; diện tích còn lại của hộ cụ D tại thửa đất số 28 là 259,7m² đất. Do đó, căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2014 thì không có cơ sở giải quyết đối với yêu cầu này. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Văn M và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T2, anh Hoàng Thanh T3, Hoàng Văn L và Hoàng Đình D1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu; chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến trình bày của đương sự; ý kiến của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa; Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 3, Điều 30, khoản 2 Điều 32; Điều 116 Luật Tố tụng hành chính và các văn bản hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao.

Đối với Kết luận nội dung tố cáo số 11/KL-UBND ngày 14/10/2024 của Chủ tịch UBND thành phố B (nay là Chủ tịch UBND phường Đ, tỉnh Bắc Ninh): Tòa án cấp sơ thẩm xác định không phải là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính nên căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 123; Điều 143; Điều 144 và Điều 165 Luật Tố tụng hành chính đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện hủy Kết luận nội dung tố cáo số 11/KL-UBND ngày 14/10/2024 của Chủ tịch UBND thành phố B liên quan đến hộ ông M là đúng.

- Về đơn kháng cáo của đương sự: Ngày 10/11/2025, ông Hoàng Văn M, bà Nguyễn Thị T2, anh Hoàng Thanh T3, Hoàng Văn L và Hoàng Đình D1 có đơn kháng cáo hợp lệ, được gửi trong thời hạn. Ông M là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí và thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí; bà Nguyễn Thị T2, anh Hoàng Thanh T3, Hoàng Văn L và Hoàng Đình D1 đã nộp tạm ứng

án phí theo quy định tại các Điều 205, Điều 206, Điều 209 Luật Tố tụng hành chính và điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 20/12/2016 của Ủy ban Thường vụ của Quốc hội nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Đ, tỉnh Bắc Ninh đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo là bà Nguyễn Thị T2, anh Hoàng Thanh T3 và anh Hoàng Đình D1 vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Các đương sự có mặt tham gia phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện và đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Hà Nội đều đề nghị xét xử. Hội đồng xét xử phúc thẩm thảo luận thấy đây là phiên tòa phúc thẩm lần thứ hai, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người bị kiện không có kháng cáo, đã được triệu tập hợp lệ và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo cũng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Các đương sự vắng mặt đều đã có ý kiến, quan điểm trình bày trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của các đương sự nêu trên không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của Hoàng Văn M, bà Nguyễn Thị T2, anh Hoàng Thanh T3, Hoàng Văn L và Hoàng Đình D1 đề nghị sửa bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1] tính hợp pháp và có căn cứ của Quyết định số 137 về việc thu hồi đất; Quyết định số 138 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB và Quyết định số 1483 về việc phê duyệt phương án điều chỉnh kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB của UBND phường Đ, tỉnh Bắc Ninh phần liên quan đến hộ ông Hoàng Văn M thấy:

- *Về thẩm quyền ban hành*: UBND thành phố B (nay là UBND phường Đ, tỉnh Bắc Ninh) ban hành quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 62; điểm a khoản 2 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013.

- *Về trình tự, thủ tục ban hành*: Trên cơ sở quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án tại Quyết định số 1433/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh B và kết quả phê duyệt lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án của Chủ tịch UBND tỉnh B. Ngày 15/8/2022, UBND thành phố B ban hành Thông báo số 203/TB-UBND về việc thu hồi đất thực hiện dự án. Đồng thời tiến hành điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm. Do ông M không hợp tác trong việc kê khai kiểm kê về đất và tài sản trên đất để làm cơ sở lập phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt

bằng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án. Ngày 28/7/2023, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 3079/QĐ-UBND về việc kiểm đếm bắt buộc và ngày 16/8/2023 ban hành Quyết định số 3375/QĐ-UBND về việc cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc đối với ông Hoàng Văn M để thực hiện dự án. Theo xác nhận của UBND xã T: Diện tích đất bị thu hồi của hộ ông M là 0m². Tài sản trên đất: Công trình nhà ở 02 tầng, tường xây gạch 110mm, sân gạch...hình thành trước ngày 01/7/2014 không bị lập biên bản ngăn chặn xử lý.

Ngày 12/3/2024, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 137/QĐ-UBND về việc thu hồi đất (đợt 8) và Quyết định số 138/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường (đợt 8) khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án nêu trên. Trong đó, ông Hoàng Văn M không được bồi thường về đất; được bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất với tổng số tiền là 643.821.612 đồng.

Quá trình thực hiện dự án, ông M có đơn tố cáo liên quan đến việc bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện dự án.

Ngày 14/10/2024, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Kết luận số 11/KL-UBND về việc kết luận nội dung tố cáo của ông M. Trong đó có nội dung giao Trung tâm phát triển quỹ đất và Cụm C chủ trì, phối hợp với UBND xã T hoàn thiện hồ sơ trình điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng về tài sản đối với phần công trình của cụ D2 và ông M theo quy định.

Ngày 08/11/2024, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 1483/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án điều chỉnh kinh phí bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án, trong đó điều chỉnh giảm kinh phí của cụ D số tiền 2.456.000 đồng và điều chỉnh tăng kinh phí bồi thường cho ông M số tiền 16.879.200 đồng (phần tường xây gạch, sân gạch).

Mặc dù đã được vận động, thuyết phục nhiều lần nhưng ông M không phối hợp trong việc nhận tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và bàn giao mặt bằng cho Nhà nước để thực hiện dự án nên số tiền bồi thường, hỗ trợ của hộ gia đình ông M đã được gửi vào Kho bạc Nhà nước và đã gửi thông báo đến hộ ông M.

Về căn cứ ban hành quyết định: Diện tích 444,8m² đất thu hồi thuộc thửa số 28 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ D. Hộ gia đình ông M xây dựng nhà ở trên diện tích đất ở thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cụ D. Trên cơ sở kết quả kiểm đếm, hồ sơ quản lý đất đai tại địa phương và xác nhận của chính quyền địa phương về nguồn gốc, thời điểm sử dụng và quá trình sử dụng đất. UBND thành phố B không bồi thường về đất cho hộ ông M mà chỉ bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất cho hộ gia đình ông M và bồi thường diện tích đất thu hồi cho cụ D là có căn cứ, đúng pháp luật. Ngoài diện tích đất bị thu hồi tại thửa số 28 nêu trên thì diện tích còn lại tại thửa đất số 28 của cụ D là 259,7m² trong đó có 249,6m² đất ở và 12,8m² đất trồng cây lâu năm nên UBND thành phố

B xác định gia đình cụ D không bị thu hồi hết diện tích đất ở nên không được giao đất tái định cư. Đồng thời, căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ để không chấp nhận đề nghị của ông M về việc giao đất ở không qua hình thức đấu giá khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án là có cơ sở.

Như vậy, Quyết định số 137, Quyết định số 138 và Quyết định số 1483 được ban hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 67 và Điều 69 Luật Đất đai 2013.

[2.2] Xét tính hợp pháp và có căn cứ của Quyết định số 2640/2024/QĐ-UBND ngày 18/07/2024 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc cưỡng chế thu hồi đất và giải tỏa tài sản trên đất đối với hộ ông Hoàng Văn M thấy:

- *Về thẩm quyền ban hành* : Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 2640/2024/QĐ-UBND ngày 18/07/2024 là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 71 Luật Đất đai năm 2013.

- *Về căn cứ ban hành*: Sau khi có quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ; Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B đã phối hợp với các cơ quan ban, ngành tại địa phương tổ chức vận động, tuyên truyền, thuyết phục gia đình ông M nhận tiền bồi thường và bàn giao mặt bằng thực hiện dự án nhưng gia đình ông M không chấp hành. Do đó, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 2640/2024/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất và giải tỏa tài sản trên đất đối với hộ ông Hoàng Văn M là đúng quy định tại khoản 1, 2 Điều 71 Luật Đất đai năm 2013.

[2.3] Đối với yêu cầu buộc UBND thành phố B, tỉnh Bắc Giang (nay là UBND phường Đ, tỉnh Bắc Ninh) thực hiện nhiệm vụ, công vụ phê duyệt, bồi thường và hỗ trợ tái định cư cho ông theo đúng quy định pháp luật, cụ thể bổ sung chính sách bồi thường, hỗ trợ GPMB là giao cho ông đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá thấy:

Diện tích đất bị thu hồi thuộc phần đất của cụ Nguyễn Thị D được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02867 năm 2000. Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, ông M thừa nhận mẹ ông là cụ D tặng cho ông một phần diện tích đất để ra ở riêng, nhưng chưa làm thủ tục tặng cho theo quy định của pháp luật, diện tích đất vẫn đứng tên quyền sử dụng của cụ Nguyễn Thị D. Vì vậy, UBND thành phố B, tỉnh Bắc Giang xác định diện tích đất nằm trong chỉ giới bị thu hồi là của cụ Nguyễn Thị D và lập phương án bồi thường về đất cho cụ D là có căn cứ. Đồng thời, cụ D không bị thu hồi hết toàn bộ thửa đất số 28, vẫn còn diện tích đất ở tại thửa đất này nên không đủ điều kiện xem xét tái định cư cho cụ D. Do vậy, ông Hoàng Văn M yêu cầu được giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá là không có căn cứ chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá đầy đủ các tài liệu chứng cứ cũng như các quy định của pháp luật để bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng

Văn M là có cơ sở. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại của ông Hoàng Văn M, bà Nguyễn Thị T2, anh Hoàng Thanh T3, Hoàng Văn L và Hoàng Đình D1.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do ông M là người cao tuổi nên miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông M. Kháng cáo của bà Nguyễn Thị T2, anh Hoàng Thanh T3, Hoàng Văn L và Hoàng Đình D1 không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị T2, anh Hoàng Thanh T3, Hoàng Văn L và Hoàng Đình D1 phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 33 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Văn M, bà Nguyễn Thị T2, anh Hoàng Thanh T3, Hoàng Văn L và Hoàng Đình D1; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 62/2025/HC-ST ngày 28/10/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Hoàng Văn M. Bà Nguyễn Thị T2, anh Hoàng Thanh T3, Hoàng Văn L và Hoàng Đình D1, mỗi người phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm; được đối trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh Hoàng Văn L (do anh Hoàng Thanh T3 nộp thay) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003895 ngày 25/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh, số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh Hoàng Thanh T3 đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003893 ngày 25/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh, số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị T2 (do anh Hoàng Thanh T3 nộp thay) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003892 ngày 25/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh, số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh Hoàng Đình D1 (do anh Hoàng Thanh T3 nộp thay) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003904 ngày 25/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Bản án hành chính phúc thẩm phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Tiến Trần Thị Quỳnh

Nguyễn Phương Hạnh

Nơi nhận:

- VCT&KSXXPT tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án, P.HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phương Hạnh